

Lý thuyết Toán lớp 1: Phép cộng trong phạm vi 100 (cộng không nhớ)


KIẾN THỨC CẦN NHỚ

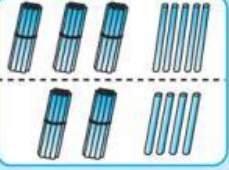
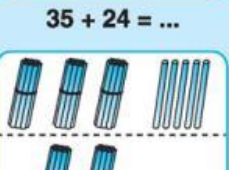
- Biết cách đặt tính, làm tính cộng các số có hai chữ số.
- Cộng nhẩm các số trong phạm vi 100 (cộng không nhớ);
- Vận dụng vào giải các bài toán có lời văn.
- Bước đầu biết về tính chất phép cộng: Khi đổi chỗ hai số trong một phép cộng thì kết quả không thay đổi.

CÁC DẠNG TOÁN

Dạng 1: Thực hiện phép tính.

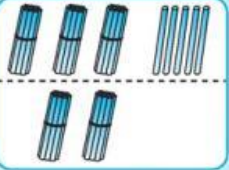
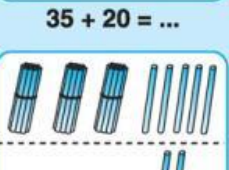
Thực hiện phép cộng các số có hai chữ số bằng cách cộng từ phải sang trái các số của hàng đơn vị rồi cộng các số ở hàng chục.



| | | | |
|---|------|--------|------|
|  | CHỤC | ĐƠN VỊ | |
| | 3 | 5 | + 35 |
|  | + 2 | 4 | + 24 |
| | 5 | 9 | 59 |

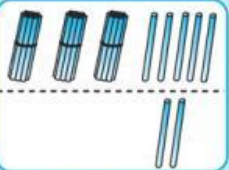
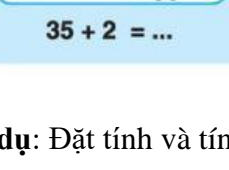
35 + 24 = ...

- 5 cộng 4 bằng 9, viết 9
- 3 cộng 2 bằng 5, viết 5

| | | | |
|---|------|--------|------|
|  | CHỤC | ĐƠN VỊ | |
| | 3 | 5 | + 35 |
|  | + 2 | 0 | + 20 |
| | 5 | 5 | 55 |

35 + 20 = ...

- 5 cộng 0 bằng 5, viết 5
- 3 cộng 2 bằng 5, viết 5

| | | | |
|---|------|--------|------|
|  | CHỤC | ĐƠN VỊ | |
| | 3 | 5 | + 35 |
|  | + | 2 | + 2 |
| | 3 | 7 | 37 |

35 + 2 = ...

- 5 cộng 2 bằng 7, viết 7
- Hạ 3, viết 3

Ví dụ: Đặt tính và tính 35 + 51

Giải

$$\begin{array}{r} 35 \\ + 51 \\ \hline 86 \end{array}$$

- 5 cộng 1 bằng 6, viết 6
 - 3 cộng 5 bằng 8, viết 8
- Vậy $35 + 51 = 86$

Dạng 2: Bài toán có lời văn

- Đọc và phân tích đề bài: Xác định các số đã cho, số lượng tăng hoặc giảm và yêu cầu của bài toán.

- Tìm lời giải cho bài toán:

Em dựa vào các từ khóa “thêm”, “bớt”, “tất cả”, “còn lại”... để xác định phép tính cần dùng cho bài toán.

Bài toán yêu cầu tìm “cả hai” hoặc “tất cả” thì thường sử dụng phép tính cộng để tìm lời giải.

- Trình bày lời giải cho bài toán: Viết rõ ràng lời giải, phép tính, đáp số.

- Kiểm tra lại lời giải và kết quả em vừa tìm được.

Ví dụ: Thùng thứ nhất đựng 34 hộp quà, thùng thứ hai đựng 10 hộp quà. Hỏi cả hai thùng có bao nhiêu hộp quà?

Phân tích: Muốn tìm số hộp của cả hai thùng thì cần lấy số hộp của mỗi thùng cộng lại với nhau.

Giải:

Cả hai thùng có số hộp quà là:

$$34 + 10 = 44 \text{ (hộp quà)}$$

Đáp số: 44 hộp quà.

Dạng 3: So sánh

Muốn so sánh giá trị của hai hoặc nhiều phép cộng các số có hai chữ số thì cần thực hiện phép tính rồi so sánh các kết quả vừa tìm được.

Ví dụ: Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $21 + 3 \dots\dots 11 + 14$

Giải:

Dấu cần điền vào chỗ chấm là dấu <.